

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HSST

Ngày: 19 - 6 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài: Cán bộ hưu trí

2. Bà Trần Thị Bích Hợp: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q., tỉnh B. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/HSST/QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Công H., sinh năm 1991 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Xóm 3, thôn V., xã H., Thị xã HN, tỉnh B.; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Công T. (chết) và bà Ngô Thị Thu Th. sinh năm 1971; Chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 17/5/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã K., tỉnh H. xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 17/5/2019 về tội “Trộm cắp tài sản”, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2020 theo lệnh truy nã, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Q.; có mặt.

- Bị hại:

Chị Dương Thị T. sinh năm 1972; Trú tại: Số nhà 55A đường C., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 10/6/2019, Nguyễn Công H. đến thuê lưu trú tại phòng 203 khách sạn M., số nhà 55A đường C., TP. Q., tỉnh B. Trong thời gian lưu trú, H. thấy chủ khách sạn là chị Dương Thị T. thường để tiền trong túi xách, cất trong hộc tủ quầy lễ tân nên nảy sinh ý định trộm tiền của chị T.. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 19/6/2019, H. từ phòng số 203 xuống quầy lễ tân, thấy không có ai nên H. dùng tay kéo, giật mạnh làm bung chốt khóa hộc tủ, lật túi xách bên trong có 24.000.000 đồng, 02 chứng minh nhân dân (CMND). Sau khi lấy tài sản, H. rời khách sạn thì bị Nguyễn Dương N. con trai chị T. phát hiện đuổi theo bắt, lấy lại túi xách rồi đưa H. quay trở lại khách sạn M.. Tại đây, H. giả vờ nghe điện thoại rồi bỏ trốn. Khoảng 11 giờ cùng ngày, H. quay lại khách sạn lấy đồ thì bị chị T. giữ lại trình báo Công an phường N., TP. Q.. Tại đây, H. thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Chị Dương Thị T. đã nhận lại túi xách, 24.000.000 đồng và 02 giấy CMND, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số 64/CT - VKSQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố Nguyễn Công H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Công H có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm túi xách bên trong có 24.000.000 đồng và một số giấy tờ của chị Dương Thị T tại Khách sạn M. số nhà 55A đường C., TP. Q. tỉnh B. nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo vừa bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản bị cáo trộm cắp bị thu hồi trả lại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên buộc bị cáo chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 28/2019/HS –ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân Thị xã K., tỉnh H., áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q., Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q., Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị

hại và những người tham gia tổ tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Công H. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc khác bị cáo vừa bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên khi thuê phòng lưu trú tại khách sạn M. ở số nhà 55A đường C., TP. Q., tỉnh B., sau khi quan sát, biết chủ khách sạn thường để tiền thu hàng ngày trong hộc tủ ở quầy lễ tân, mờ sáng ngày 19/6/2019, bị cáo đã lợi dụng mọi người ngủ say, đến quầy lễ tân của khách sạn giật bung chốt khóa hộc tủ, lén lút lấy trộm túi xách bên trong có 24.000.000 đồng cùng một số giấy tờ của chị Dương Thị T. chủ khách sạn nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội, đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, sau khi phạm tội còn bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản trộm cắp đã bị thu hồi trả lại cho bị hại ngay nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[3] Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 65 BLHS, buộc bị cáo chấp hành hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 28/2019/HS –ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân Thị xã K., tỉnh H., áp dụng Điều 56, Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[4] Bồi thường thiệt hại:

Chị Dương Thị T. đã nhận lại toàn bộ tài sản, giấy tờ bị cáo lấy trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

[5] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công H. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 55 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Công H. 18 tháng tù. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 28/2019/HS –ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã K., tỉnh H.. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/3/2020.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Thúy